

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1302/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt số lượng, danh sách học sinh trung học phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, năm học 2023-2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 01 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 137/TTr-SGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng, danh sách học sinh trung học phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ năm học 2023-2024, như sau:

STT	Đơn vị	Số lượng học sinh được hưởng chính sách	Ghi chú
1	Trường THPT Krông Nô	34	
2	Trường THPT Hùng vương	82	
3	Trường THPT Gia Nghĩa	21	
4	Trường THPT Chu Văn An	09	
5	Trường THPT Phan Bội Châu	33	
6	Trường THPT Trần Phú	107	
7	Trường THPT Lê Duẩn	163	
8	Trường THPT Đắk Glong	377	
9	Trường THPT Quang Trung	07	

STT	Đơn vị	Số lượng học sinh được hưởng chính sách	Ghi chú
10	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	98	
11	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	02	
12	Trường THPT Phạm Văn Đồng	235	
13	Trường THPT Lê Quý Đôn	213	
14	Trường THPT Trường Chinh	73	
15	Trường THPT Đắk Song	13	
16	Trường THCS&THPT Lê Hữu Trác	661	
Tổng cộng		2.128	

(Danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện theo Tờ trình số 137/TTr-SGDĐT ngày 05/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo:

1. Hướng dẫn các trường trung học phổ thông có tên trên thực hiện việc niêm yết công khai và chi trả kinh phí hỗ trợ cho học sinh theo danh sách phê duyệt bảo đảm kịp thời, đúng quy định.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác và tính pháp lý đối với các nội dung do đơn vị trình.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_(VN).



Tôn Thị Ngọc Hạnh

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 137 /TTr-SGDĐT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 05 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo
Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ
năm học 2023-2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Sau khi rà soát, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo số lượng, danh sách đối tượng học sinh THPT được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP năm học 2023-2024; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Tổng số học sinh được hưởng chính sách	Ghi chú
1	Năm học 2023-2024	2.128	
1	Trường THPT Krông Nô	34	
2	Trường THPT Hùng vương	82	
3	Trường THPT Gia Nghĩa	21	
4	Trường THPT Chu Văn An	09	
5	Trường THPT Phan Bội Châu	33	
6	Trường THPT Trần Phú	107	
7	Trường THPT Lê Duẩn	163	
8	Trường THPT Đắk Glong	377	
9	Trường THPT Quang Trung	07	
10	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	98	
11	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	02	
12	Trường THPT Phạm Văn Đồng	235	
13	Trường THPT Lê Quý Đôn	213	
14	Trường THPT Trường Chinh	73	
15	Trường THPT Đắk Song	13	
16	Trường THCS & THPT Lê Hữu Trác	661	

(Chi tiết danh sách của học sinh từng trường có phụ lục kèm theo từ số 1 đến 16)

(Đính kèm dự thảo Quyết định Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ).

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCB-TC (ĐD).

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Hải



**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 2023-2024
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS & THPT LÊ HỮU TRÁC - HUYỆN TUY ĐỨC**

(Kèm theo Tờ trình số 137 /SGDDT-TCCBTC, ngày 05 /10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
1	Đàm Tuấn Anh	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	10	
2	Ngô Việt Anh	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
3	Vũ Thành Anh	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	9	
4	Phạm Gia Bảo	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
5	Phạm Gia Bảo	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
6	Nông Thị Ngân Bích	Thôn Tân Bình	Đắk Ngo	10	
7	Hoàng Thị Thủy Diễm	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
8	Lý Bảo Duy	Bon phi lơ te 1	Đắk Ngo	14	
9	Vũ Hải Đăng	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
10	Thị Giang	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	15	
11	Nguyễn Trung Hiếu	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
12	Trần Đình Hoàng	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	15	
13	Huỳnh Lê Gia Huy	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
14	Ngô Đức Huy	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	9	
15	Triệu Tuấn Hưng	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
16	Hoàng Minh Khánh	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
17	Ma Thị Trúc Linh	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
18	Vũ Hoàng Phương Linh	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
19	Lê Bảo Gia Long	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
20	Nguyễn Văn Long	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	15	
21	Trần Thị Huyền Minh	Bon Philte 1	Đắk Ngo	10	
22	Nguyễn Ngọc Diễm My	Thôn 7	Đắk Ngo	10	
23	Lê Thị Bảo Ngọc	Bon phi lơ te 1	Đắk Ngo	10	
24	Đình Quỳnh Như	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
25	Phạm Nguyễn Hồng Phúc	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
26	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
27	Vũ Văn Thắng	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
28	Nguyễn Đức Thuận	Bon Phi Lơ te 1	Đắk Ngo	9	
29	Nguyễn Ngọc Tiến	Bon Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
30	Thị Ngọc Trâm	Bon Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
31	Vô Thị Thanh Trúc	Bon Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
32	Triệu Tấn Phát	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	9	
33	Thị Huỳnh	Phi Lơ te	Đắk Ngo	15	
34	Bùi Quốc Huy	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
35	Hoàng Trần Đăng Khoa	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	8	
36	Phạm Thị Hoài băng	thôn 3	Đắk Ngo	7	
37	Phạm Thị Hải băng	thôn 3	Đắk Ngo	7	
38	Vân kim Anh	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	12	
39	Điều đại	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	12	
40	Sin Thị Kim Hồng	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	12	
41	Phan Điều Già Bảo	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	12	
42	Nguyễn Thái Bảo	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
43	Điều Chiến	Điêng Đu	Đắk Ngo	9	
44	Nguyễn Thành cát Lượng	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
45	Bùi Quốc Huy	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
46	Lâm Sĩ Khanh	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	10	
47	Nông Tuấn Anh	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	11	
48	Thị Hà	Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
49	Thị Chua	Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
50	Tô Phúc An	thôn 2	Đắk Ngo	11	
51	Lưu Ngọc Bích	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	8	
52	Vàng Thị Hiền	Ninh Hòa	Đắk Ngo	14	
53	Lê Doãn Hùng	thôn 3	Đắk Ngo	8	
54	Vô Trọng Đại	thôn 2	Đắk Ngo	12	
55	Vũ văn Đại	thôn 2	Đắk Ngo	10	
56	Nguyễn Võ Quốc Duy	thôn 2	Đắk Ngo	13	
57	Võ Đại Huy	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	8	
58	Bùi Nguyễn Quang Huy	thôn2	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
59	Ma Thị Kim Chi	Ninh Hòa	Đắk Ngo	15	
60	Châu Minh Hải	Điêng Du	Đắk Ngo	15	
61	Giàng Thị Hạo	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
62	Hoàng Anh Khoa	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
63	Lô Thị Lan	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
64	Sùng Thị May	Sĩ Át	Đắk Ngo	7	
65	Đieu Thị Kim Ngân	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	12	
66	Sùng Thị Ngọc Nhi	Sĩ Át	Đắk Ngo	7	
67	Vũ Đình Phát	Thôn 3	Đắk Ngo	14	
68	Nguyễn Thanh Phong	Điêng Du	Đắk Ngo	15	
69	Đieu Phú	Điêng Du	Đắk Ngo	15	
70	Vừ A Phúc	Sĩ ất	Đắk Ngo	7	
71	Vàng A Phư	Sĩ Át	Đắk Ngo	7	
72	Trần Đại Phước	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
73	Thị Ly Sa	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	15	
74	Đieu Thị Linh Sam	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	10	
75	Đặng Phúc Thăng	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	15	
76	Sùng Hoàn Thiện	Sĩ Át	Đắk Ngo	7	
77	Nông Thị Bích Thương	Bản Trắng	Đắk Ngo	10	
78	Nguyễn Đieu Truông Tín	Điêng Du	Đắk Ngo	11	
79	Hoàng Ngọc Trâm	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	15	
80	Đieu Tri	Điêng Du	Đắk Ngo	15	
81	Sùng A Tru	Sĩ Át	Đắk Ngo	7	
82	Đieu Tùng	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	12	
83	Thảo Thị U	Sĩ ất	Đắk Ngo	7	
84	Thảo Thị Vê	Sĩ Át	Đắk Ngo	7	
85	Hoàng Thảo Vy	Phi Lơ Te	Đắk Ngo	15	
86	Hồ Thị Thanh Xuân	Tân Lập	Đắk Ngo	7	
87	Thị Hằng	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
88	Đieu Khuân	Bon Phi lơ te	Đắk Ngo	9	
89	Lưu Quốc Kiên	Thôn 1	Đắk Ngo	8	
90	Nguyễn Thành Kiệt	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
91	Hoàng Thị Mai Lan	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	8	
92	Nguyễn Thị Mỹ Loan	Bon Diêng Du	Đắk Ngo	15	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
93	Thị Ly	Bon Diêng Đu	Đắk Ngo	10	
94	Nguyễn Ngọc Mỹ	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
95	Nguyễn Thủy Ngọc	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	8	
96	Lưu Đình Nguyên	Thôn 1	Đắk Ngo	8	
97	Nguyễn Thị Yến Nhi	Thôn 2	Đắk Ngo	8	
98	Võ Trọng Phúc	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
99	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thôn 3	Đắk Ngo	8,5	
100	Triệu Điều Tâm	Bon Phi lơ te 1	Đắk Ngo	9	
101	Trần Giang Thanh	Thôn 2	Đắk Ngo	8	
102	Ngô Thị Thu	Bon Diêng Đu	Đắk Ngo	13	
103	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Bon Diêng Đu	Đắk Ngo	13	
104	Thái Văn Đại Toàn	Thôn 1	Đắk Ngo	12	
105	Hứa Thị Kiều Trang	Thôn Tân Bình	Đắk Ngo	7	
106	Nguyễn Văn Trang	Bon Diêng Đu	Đắk Ngo	10	
107	Hoàng Mai Bảo Châu	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	9	
108	Vũ Thị Duyên	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
109	Hạng A Hải	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
110	Trần Anh Văn	Thôn Tân Bình	Đắk Ngo	10	
111	Thị Bích	Diêng Đu	Đắk Ngo	15	
112	Thị Diễm	Diêng Đu	Đắk Ngo	15	
113	Nguyễn Thị Duyên	Philotel	Đắk Ngo	10	
114	Trần Thanh Hào	Diêng Đu	Đắk Ngo	8	
115	Đinh Thị Mai Lan	Diêng Đu	Đắk Ngo	13	
116	Đào Ngọc Diễm My	Diêng Đu	Đắk Ngo	15	
117	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Diêng Đu	Đắk Ngo	20	
118	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bản Tráng	Đắk Ngo	18	
119	Điều Nhung	Diêng Đu	Đắk Ngo	15	
120	Triệu Văn Tài	Diêng Đu	Đắk Ngo	13	
121	Hạng Hùng Sơn	Tân Lập	Đắk Ngo	16	
122	Lê Thị Phương Anh	Tân Bình	Đắk Ngo	7	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
123	Trương Thị Ngọc Anh	Tân Bình	Đắk Ngo	7	
124	Đặng Quỳnh Anh	Diêng Đu	Đắk Ngo	12	
125	Lâm Mậu Chương	Philote	Đắk Ngo	10	
126	Giảng Thị Dợ	Nậm Đích	Đắk Ngo	15	
127	Trần Anh Tiến	Thôn 1	Đắk Ngo	9	
128	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Diêng Đu	Đắk Ngo	12	
129	Sùng Thị Ế	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
130	Nguyễn Trịnh Công Vũ	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
131	Trần Thị Phương Nhi	Diêng Đu	Đắk Ngo	12	
132	Hỷ Phúc Thiên	Tân Bình	Đắk Ngo	8	
133	Hoàng A Đình	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
134	Điền Tuy	Diêng Đu	Đắk Ngo	12	
135	Lý A Đức	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
136	Thảo A Dương	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
137	Hạng Thị Duyên	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
138	Thảo Thị Gồng	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
139	Vừ Thị Hờ	Giang Châu	Đắk Ngo	10	
140	Giảng Thị Hoa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
141	Lầu Thị Hoa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
142	Vừ A Hồng	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
143	Thảo A Hợp	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
144	Sùng Thị Lan	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
145	Sùng Thị Liên	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
146	Lú Thị Lý	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
147	Giảng A Mạnh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
148	Thảo Xi Mông	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
149	Lý A Nhè	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
150	Thảo Thị Nhi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
151	Sùng Thị Nhi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
152	Giảng Thị Như	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
153	Tráng Thị Ngọc Nhung	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
154	Thảo Xo Ni	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
155	Tráng Đa Nia	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
156	Lý Thị Ngọc Oanh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
157	Sùng Thị Phi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
158	Sùng Thị Phi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
159	Sùng A Phong	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
160	Giàng Thị Phương	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
161	Vàng Văn Phương	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
162	Thảo Thị Si	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
163	Giàng A Sinh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
164	Giàng A Sù	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
165	Giàng Thị Suất	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
166	Sùng A Tâm	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
167	Cháng A Tâm	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
168	Giàng A Thanh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
169	Giàng Thị Thiên	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
170	Vàng Thị Vía	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
171	Cháng Thị Vinh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
172	Ly A Vương	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
173	Giàng Thị Dinh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
174	Sùng Thị Phua	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
175	Lầu Văn An	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
176	Chang Thị Hồng Hạnh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
177	Dinh Nguyễn Hoàng Anh	Thôn 1	Đắk Ngo	8	
178	Doãn Thị Ngọc Ánh	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
179	Phạm Quốc Bảo	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
180	Điểu Bình	Philote	Đắk Ngo	12	
181	Điểu Bình	Philote	Đắk Ngo	12	
182	Nguyễn Thị Mỹ Chi	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
183	Dương Thị Ngọc Diệp	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
184	Vì Tiến Dũng	Philote 1	Đắk Ngo	12	
185	Hoàng Trọng Đạo	Điêng Du	Đắk Ngo	10	
186	Hồ Hương Giang	Thôn 3	Đắk Ngo	7	
187	Trương Thị Mỹ Hằng	Philote 1	Đắk Ngo	10	
188	Thị Hậu	Philote	Đắk Ngo	10	
189	Nguyễn Trung Hiếu	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
190	Lự Thị Kim Hoa	Thôn 3	Đắk Ngo	11	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
191	Ngô Quỳnh Hoa	Bản Trắng	Đắk Ngo	12	
192	Võ Thị Ánh Hồng	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
193	Nguyễn Trùng Khánh	Bản Trắng	Đắk Ngo	12	
194	Lê Tuấn Kiệt	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
195	Nguyễn Tấn Kiệt	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
196	Lê Thị Thủy Linh	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
197	Nguyễn Phúc Lộc	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
198	Lê Long Nhật	Thôn 2	Đắk Ngo	14	
199	Đàm Thị Yến Nhi	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
200	Lâm Bảo Nhi	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
201	Thị Nhím	Philote	Đắk Ngo	11	
202	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
203	Nguyễn Phan Lan Phương	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
204	Nông Thị Bích Phương	Bản Trắng	Đắk Ngo	12	
205	Phan Trần Minh Quân	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
206	Bùi Ngọc Quý	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
207	Điêu Sun	Philote 1	Đắk Ngo	15	
208	Hồ Thị Hoài Thương	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
209	Phan Văn Tâm	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
210	Điêu Văn Thiện	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
211	Trần Thị Thu Trang	Philote 1	Đắk Ngo	10	
212	Nguyễn Thị Thủy Trâm	Philote	Đắk Ngo	8	
213	Trần Thị Thủy Trinh	Thôn 7	Đắk Ngo	10	
214	Vũ Thanh Trúc	Thôn 1	Đắk Ngo	12	
215	Điêu Tuyền	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
216	Điêu Thị Uyên	Điêng Đu	Đắk Ngo	17	
217	Nguyễn Thị Tường Vy	Thôn 2	Đắk Ngo	12	
218	Danh Thị Xuân	Philote 1	Đắk Ngo	12	
219	Vừ Thị Bìa	Đoán Kết	Đắk Ngo	10	
220	Thào A Bình	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
221	Thào A Cừ	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
222	Giăng A Cường	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
223	Sùng A Cường	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
224	Vàng A Cường	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
225	Điêu Dân	Bon Phi Lơ Te	Đắk Ngo	10	
226	Sùng Thị Dân	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
227	Vàng Thị Mai Diệu	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
228	Ma Thị Dợ	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
229	Vàng Thị Dợ	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
230	Vàng Thị Dưa	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
231	Dương Thị Duyên	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
232	Vàng A Đồng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
233	Lý Văn Đồng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
234	Giăng Thị Dưa	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
235	Vàng Văn Đức	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
236	Hoàng Văn Hải	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
237	Hàng Thị Hiền	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
238	Lý Thị Hoa	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
239	Ma Thị Hoa	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
240	Thào Thị Hoa	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
241	Thị Hồng	Bon Phi Lơ Te	Đắk Ngo	10	
242	Giăng A Huy	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
243	K'nhật Khiêm	Đắk Nung	Đắk Ngo	10	
244	Ngô Thị Kim	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
245	Thào A Kinh	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
246	Hầu Thị Lan	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
247	Hầu Thị Liên	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
248	Vàng Thị Ly	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
249	Vàng Thị Mây	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
250	Giăng Thị Mơ	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
251	Vàng Thị My	Điêng Du	Đắk Ngo	10	
252	Thị Nga	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
253	Thào A Ngọc	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
254	Giăng Thị Phua	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
255	Sùng Seo Phứ	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
256	Vàng Thị Minh Phương	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
257	Hoàng Thị Phượng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
258	Giăng A Sinh	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
259	Lô Văn Sơn	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
260	Sùng Seo Thang	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
261	Giàng Đức Thắng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
262	Sinh A Vừ	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
263	Thảo Vinh Hà	Ninh Hoà	Đắk Ngo	10	
264	Vàng A Cừ	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
265	Điêu Dân	Philote 1	Đắk Ngo	12	
266	Vàng Thị Di	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
267	Lý Thị Hoa	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
268	Hoàng Lâm	Thôn 3 đắk ngo	Đắk Ngo	10	
269	Tráng Thị Phương	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
270	Lý Thị Dung	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
271	Sùng A Trảng	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
272	Hờ Thị Vân	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
273	Vàng Thị Xuân	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
274	Sơn Thị Oanh	Philote 1	Đắk Ngo	12	
275	Lương Nhã Lan	Philote 1	Đắk Ngo	12	
276	Cháng A có	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
277	Lù Seo Tu	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
278	Lù A By	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
279	Hạng Nghĩa Thắng	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
280	Bản Thị My	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
281	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
282	Thị Phụng	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
283	Sùng Thị Xi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
284	Điêu Đại	Philote 1	Đắk Ngo	12	
285	Thị Nương	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
286	Cháng Thị La	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
287	Thị Thi	Philote 1	Đắk Ngo	12	
288	Giàng Thị Pàn	Đoàn Kết	Đắk Ngo	13	
289	Giàng A Chi	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
290	Vừ A Đình	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
291	Cháng A Tân	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
292	Điêu Tài	Philote 1	Đắk Ngo	12	
293	Vũ Thị Hằng	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
294	Vũ Văn Việt	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
295	Giàng Thị Ly	Đắk Som	Đắk Ngo	100	
296	Trương Ngọc Minh	Điêng du	Đắk Ngo	9	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
297	Thào Văn Minh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
298	Sin Diệu Hào Nam	Phi lợ te	Đắk Ngo	10	
299	Diệu Thị Phạm Kim Hiền	Phi lợ te	Đắk Ngo	10	
300	Lương Thùy Trang	Điêng du	Đắk Ngo	8	
301	Giàng A Bình	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
302	Hạng Thị Chanh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
303	Hầu Thị Chi	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
304	Hờ Thị Chi	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
305	Thào Thị Kim Chi	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
306	Thào A Chung	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
307	Hàng Thành Công	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
308	Vàng Thanh Cường	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
309	Vàng Văn Cường	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
310	Pán Thị Dậu	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
311	Giàng Minh Đông	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
312	Hoàng Seo Đông	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
313	Hạng Thị Gấu	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
314	Hờ Thị Gấu	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
315	Giàng Minh Hùng	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
316	Giàng Thị Khoa	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
317	Nguyễn Văn Lâm	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
318	Tráng Thiên Long	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
319	Hạng Thị Ly	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
320	Giàng Thị Ly	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
321	Sùng A Mang	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
322	Vàng A Minh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
323	Hờ A Mông	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
324	Thào Thị Nhi	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
325	Giàng Thị Phán	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
326	Thào A Phòng	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
327	Hầu Vĩnh Phúc	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
328	Thào A Quân	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
329	Thào Thị Quý	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
330	Sùng Thị Súa	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
331	Vàng Quốc Tạo	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
332	Thào A Thanh	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
333	Lý A Thương	Tân Lập	Đắk Ngo	9	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
334	Giàng Thị Thủy	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
335	Sùng Thị Vân	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
336	Giàng A Vinh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
337	Thào Thị Xơ	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
338	Giàng Bình Xuân	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
339	Lù Thị Linh	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
340	Sùng A Ông	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
341	Thị Ngân	pilate	Đắk Ngo	8	
342	Sùng A Ba	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
343	Sùng Thị Chá	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
344	Thào A Chá	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
345	Giàng A Dơ	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
346	Háng Thị Dưa	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
347	Thào Thị Dưa	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
348	Thào Thị Gầu	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
349	Danh Trí Hà	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	10	
350	Chàng Thị Hiệu	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
351	Giàng Thị Hoa	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
352	Sùng Thị Hoa	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
353	Giàng Thị Kim	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
354	Thị Kim	Điêng Du	Đắk Ngo	10	
355	Giàng A Lồng	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
356	Giàng Tuấn Mai	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
357	Lầu A Mung	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
358	Thào Thị Mây	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
359	Vừ Thị Mỹ	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
360	Lý Thị Năng	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
361	Vàng A Nhanh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
362	Giàng Thị Nhung	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
363	Vừ A Nù	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
364	Vũ Thành Phát	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
365	Hoàng Thị Như Quỳnh	Phi lợ te 1	Đắk Ngo	10	
366	Vàng Thị Sĩ	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
367	Giàng A Sinh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
368	Nguyễn Vũ Sơn	Điêng Du	Đắk Ngo	10	
369	Thào Thị Sưa	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
370	Giàng A Thái	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
371	Bùi Tấn Thiện	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
372	Giảng A Trao	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
373	Thào A Trinh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
374	Sùng A Tủa	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
375	Thị Tuy	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
376	Thị Tuyết	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
377	Giảng A Ty	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
378	Thị Uyên	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
379	Thị Văn	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
380	Pán Quang Vinh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
381	Vàng A Vinh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
382	Ma Thị Xoan	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
383	Lý A Dơ	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
384	Lâm Hữu Toàn	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	11	
385	Lương Thùy Chi	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	12	
386	Sinh A Cù	Đoàn kết	Đắk Ngo	16	
387	Lý Thị May	Đoàn kết	Đắk Ngo	11	
388	Hồ Sỹ Anh Khoa	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
389	Nguyễn Duy Kiên	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
390	Giảng Thị Lả	Tân Lập	Đắk Ngo	9	
391	Hoàng Đức Thắng	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	11	
392	Thị Yêm	Tân Bình	Đắk Ngo	8	
393	Thị Chúc	Tân Bình	Đắk Ngo	8	
394	Lâm Sỹ Bào	Phi Lơ Te 1	Đắk Ngo	11	
395	Giảng A Trong	Ninh Hoà	Đắk Ngo	8	
396	Sùng A Minh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
397	Vừ A Thái	Đoàn kết	Đắk Ngo	12	
398	Vàng Văn Phong	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
399	Bùi Văn An	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
400	Vũ Quang An	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
401	Phạm Nhật Anh	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
402	Nguyễn Quốc Bảo	Thôn 1	Đắk Ngo	9	
403	Nguyễn Trần Hoa Chanh	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
404	Hoàng Văn Thế Chung	Đắk Liên	Đắk Ngo	11	
405	Đàm Đặng Cường	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
406	Nguyễn Văn Dân	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
407	Nguyễn Quốc Dũng	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
408	Phạm Bảo Duy	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
409	Triệu Phúc Đức	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
410	Đàm Thị Cẩm Giang	thôn 1	Đắk Ngo	9	
411	Mông Thị Ngọc Giang	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
412	Nguyễn Trường Giang	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
413	Nguyễn Thị Tuyết Hà	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
414	Đào Xuân Hòa	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
415	Thị Huệ	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
416	Hoàng Phi Hùng	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
417	Nông Quốc Huy	Thôn 7	Đắk Ngo	9	
418	Vũ Quốc Huy	thôn 3	Đắk Ngo	8	
419	Nguyễn Minh Khôi	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
420	Hoàng Điều Kim	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
421	Lừ Thị Lá	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
422	Nguyễn Hải Lâm	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
423	Cao Quỳnh Mai	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
424	Lê Thị Tuyết Minh	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
425	Nguyễn Thu Mùng	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
426	Đinh Công Nghĩa	Thôn 7	Đắk Ngo	9	
427	Nông Văn Nghĩa	Thôn 7	Đắk Ngo	9	
428	Huỳnh Thị Kim Nguyệt	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
429	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
430	Phạm Thị Cẩm Nhung	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
431	Bùi Ngọc Như	Thôn 1	Đắk Ngo	9	
432	Lê Tân Phát	Thôn 1	Đắk Ngo	9	
433	Đỗ Nguyễn Tuấn Phương	Thôn 1	Đắk Ngo	9	
434	Nguyễn Như Quỳnh	Thôn 3	Đắk Ngo	8	
435	Nguyễn Văn Tài	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
436	Điều Thiệp	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
437	Bùi Thị Ngọc Tiên	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
438	Võ Đại Toàn	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
439	Nguyễn Thị Tú Nhi	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
440	Đoàn Thị Bích Trâm	Thôn 7	Đắk Ngo	9	
441	Hoàng Thủy Trâm	Điêng Du	Đắk Ngo	15	
442	Giăng A Ba	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
443	Thảo A Công	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
444	Giăng A Chanh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
445	Giăng A Chê	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
446	Sinh A Chư	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
447	Nguyễn Trần Đình Cư	Thôn 3	Đắk Ngo	9	
448	Vàng Đức Cường	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
449	Bùi Minh Đức	Điêng du	Đắk Ngo	11	
450	Nguyễn Trung Dũng	C2 - E720	Đắk Ngo	9	
451	Sùng A Đình	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
452	Thảo A Đình	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
453	Vàng A Giông	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
454	Ngô Thị Hoa	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
455	Lê Hữu Huy	C2 - E720	Đắk Ngo	9	
456	Sùng Thị Kía	Sí At	Đắk Ngo	9	
457	Giăng A Nghệ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
458	Lê Thị Như Ngọc	Tân Bình	Đắk Ngo	10	
459	Đình Bá Nguyễn	C2 - E720	Đắk Ngo	9	
460	Nông Thị Văn Oanh	Tân Bình	Đắk Ngo	9	
461	Sùng A Thái	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
462	Thảo Thị Thủy	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
463	Giăng A Nhê	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
464	Nguyễn Văn Trung	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
465	Hà Việt Hoàng	Điêng du	Đắk Ngo	13	
466	Giăng A Mạnh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
467	Vàng A Hùng	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
468	Giăng A Khu	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
469	Giăng Nhật Long	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
470	Giăng Thị Kênh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
471	Phảng Thị Mai	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
472	Vàng Thị Mai	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
473	Tráng A Hào	Doàn kết	Đắk Ngo	10	
474	Lê Thị Hoàng Quyên	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
475	Đinh Thị Bích Thạch	Thôn 1	Đắk Ngo	8	
476	Thị Sun Khoa	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
477	Phạm Thị Hoài Bằng	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
478	Lương Bảo Châu	Phi lờ te 1	Đắk Ngo	11	
479	Thị Châu	Phi lờ te 1	Đắk Ngo	11	
480	Hoàng A Chúng	Tân Lập	Đắk Ngo	12	
481	Thị Diễm	Phi lờ te 1	Đắk Ngo	11	
482	Trương Đức Duy	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
483	Dương Đình Đức	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
484	Thị Hiền	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
485	Nguyễn Trung Hiếu	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
486	Hoàng Thị Hoa	Phi lờ te 1	Đắk Ngo	11	
487	Bùi Quang Huy	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
488	Đoàn Thị Khánh Huyền	Phi lờ te 1	Đắk Ngo	11	
489	Giàng Thị Ke	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
490	Bùi Quốc Kỳ	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
491	Phan Thị Lánh	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
492	Đặng Thị Thu Loan	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
493	Trần Dương Hải Lý	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
494	Giàng A Mông	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
495	Lý A Nà	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
496	Lương Bảo Nghi	Điêng đư	Đắk Ngo	11	
497	Lâu Thị Nù	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
498	Vàng A Nùng	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
499	Sùng A Phỏ	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
500	Thảo A Phong	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
501	Vàng A Sao	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
502	Nguyễn Thị Lệ Mai	Phi lờ te 1	Đắk Ngo	11	
503	Nguyễn Hữu Minh	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
504	Bùi Nguyễn Trà My	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
505	Nguyễn Thành Nền	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
506	Phan Thành Nghĩa	Thôn 2	Đắk Ngo	11	

STT	Họ và tên	Hệ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
507	Trần Thị Thanh Nhân	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
508	Vũ Thị Tuyết Nhi	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
509	Nguyễn Trịnh Quỳnh Như	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
510	Thị Phan	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
511	Giàng A Phình	Năm pỏ	Đắk Ngo	11	
512	Võ Thị Hồng Phượng	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
513	Nguyễn Tuyết Sương	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
514	Lê Văn Tâm	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
515	Chu Thị Thu Thảo	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
516	Triệu Thị Thắm	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
517	Võ Đại Thực	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
518	Lê Thủy Trang	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
519	Điêu Minh Trí	Điêng Đu	Đắk Ngo	11	
520	Nguyễn Thị Thạch Trúc	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
521	Hồ Thị Cẩm Tiên	Thôn 2	Đắk Ngo	11	
522	Vì Tiên Tỷ	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	11	
523	Giàng Thị Ke	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
524	Thào Thị A	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
525	Vàng A Công	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
526	Giàng A Cu	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
527	Giàng A Cu	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
528	Hờ A Cừ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
529	Giàng Thị Hà	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
530	Lù Thị Hoa	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
531	Hoàng Minh Hồng	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
532	Nguyễn Thế Huy	Thôn 3	Đắk Ngo	7	
533	Hạng Thị Kìa	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
534	Vàng Thị Liên	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
535	Lý Tiểu Long	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
536	Giàng Thị May	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
537	Giàng A Năm	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
538	Điêu Thị Kim Ngọc	Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
539	Lục Thị Yên Nhi	Điêng Đu	Đắk Ngo	12	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
540	Thị Như	Điêng Du	Đắk Ngo	12	
541	Hồ A Nhật	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
542	Thảo Thị Ninh	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
543	Giảng A Nữ	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
544	Dương Văn Phi	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
545	Thảo A Phong	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
546	Tráng Thị Si	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
547	Sùng Thị Sinh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
548	Vừ Thị Súa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
549	Cháng A Súa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
550	Mùa A Sinh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
551	Thảo A Sơn	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
552	Hoàng A Sùng	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
553	Vàng Seo Thanh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
554	Sùng A Thu	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
555	Sùng A Thu	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
556	Vàng A Thù	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
557	Sùng A Thùng	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
558	Thảo Thị Trang	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
559	Ma Seo Tráng	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
560	Giảng A Tinh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
561	Sùng Thị Tinh Tuệ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
562	Vàng Thị Út	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
563	Hùng Thị Văn	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
564	Và Bá Vương	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
565	Ngô Văn Xuân	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
566	Hầu Thị Yên	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
567	Lù Thị Xay	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
568	Cháng Thị Xoa	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
569	Vừ Thị May	Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
570	Huỳnh Đăng Gia Bảo	Phi lộ te 1	Đắk Ngo	11	
571	Thảo A Chinh	Đoàn kết	Đắk Ngo	12	
572	Thị Thủy Chung	Điêng Du	Đắk Ngo	13	
573	Lý Thành Công	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
574	Thảo A Đông	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
575	Vàng Văn Cường	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
576	Nguyễn Bảo Duy	Thôn 1	Đắk Ngo	10	
577	Nguyễn Việt Dũng	Tân Bình	Đắk Ngo	11	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
578	Hoàng A Hải	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
579	Giàng A Hào	Ninh Hòa	Đắk Ngo	12	
580	Võ Phúc Hào	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
581	Điền Hậu	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
582	Bùi Văn Hoài	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
583	Giàng A Hoàng	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
584	Điền Hưng	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
585	Điền Khanh	Phi lơ te	Đắk Ngo	11	
586	Sùng A Lào	Đoàn kết	Đắk Ngo	12	
587	Nông Phùng Khánh Linh	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
588	Hầu Thị May	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
589	Hoàng A Minh	Tân Lập	Đắk Ngo	11	
590	Hoàng Thủy Ngọc	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
591	Nguyễn Thị Như Nguyệt	Thôn 1	Đắk Ngo	11	
592	Thị Thủy	Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
593	Võ Đại Nhật	Phi lơ te 1	Đắk Ngo	13	
594	Thào A Trường	Đoàn kết	Đắk Ngo	12	
595	Giàng Thị Xinh	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
596	Sùng A Chung	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
597	Lê Trịnh Yến Nhi	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
598	Điền Nóc	Philote 1	Đắk Ngo	10	
599	Thị Vương Phi	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
600	Thị Như	Philote 1	Đắk Ngo	10	
601	Thào A Sinh	Đoàn Kết	Đắk Ngo	10	
602	Tô Minh Sơn	Philote 1	Đắk Ngo	10	
603	Thào A Thắng	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
604	Hoàng Minh Thiện	Thôn 3	Đắk Ngo	10	
605	Điền Thiệp	Bon Philote1	Đắk Ngo	10	
606	Giàng Thị Thứ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
607	Vàng thị Tấu	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
608	Bùi Thị Ngọc Thủy	Bon Philote1	Đắk Ngo	10	
609	Thị Thủy	Bon Philote1	Đắk Ngo	10	
610	Giàng A Từ	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
611	Sùng thị Thuyết	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
612	Thị Vi	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
613	Lê Thị Như Ý	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
614	Thào Thị Vinh	Tân Lập	Đắk Ngo	10	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (DVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
615	Vàng Thị Xanh	Đoàn kết	Đắk Ngo	10	
616	Mùa Thị Y	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
617	Hoàng Thái Tú	Ninh Hòa	Đắk Ngo	10	
618	Nguyễn Văn Thương	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
619	Bùi Thế Vinh	Điêng Đu	Đắk Ngo	10	
620	Nguyễn Thanh Sang	Thôn 7	Đắk Ngo	10	
621	Nguyễn Hoàng Quý	Thôn 2	Đắk Ngo	10	
622	Trần Minh Tú	Thôn 1-719	Đắk Ngo	10	
623	Lê Thị Như Phụng	Điêng Đu	Đắk Ngo	15	
624	Mông Thị Hồng Lệ	Philote 1	Đắk Ngo	12	
625	Phạm Nguyễn Liên Anh	Philote 1	Đắk Ngo	12	
626	Chàng Thị Hà	Đoàn Kết	Đắk Ngo	11	
627	Điền Phi	Philote 1	Đắk Ngo	12	
628	Hứa Hữu Nghĩa	Philote 1	Đắk Ngo	12	
629	Danh Chí Hải	Philote 1	Đắk Ngo	12	
630	Thị Thái	Điêng Đu	Đắk Ngo	12	
631	Điền Thị Hồng Diệp	Điêng Đu	Đắk Ngo	13	
632	Điền Tâm	Philote 1	Đắk Ngo	12	
633	Thảo A Dũng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
634	Danh Chí Sang	Philote 1	Đắk Ngo	12	
635	Giàng Thị Hiền	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
636	Giàng A Bình	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
637	Thảo A Hạng	Tân Lập	Đắk Ngo	10	
638	Lê Viết Hiếu	Tân Bình	Đắk Ngo	10	
639	Vàng Văn Đại	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
640	Thảo Thị La	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
641	Thảo Seo Chúng	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
642	Giàng A Sai	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
643	Giàng A Tủa	Bản Đoàn Kết	Đắk Ngo	12	
644	Lô A Hồng	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
645	Điền Thiên	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
646	Súng Văn Dương	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
647	Vàng A Thi	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
648	Thị Hân	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
649	Chu Đức Nghĩa	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	

STT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú		Khoảng cách từ nhà đến trường (ĐVT: Km)	Ghi chú
		Thôn (buôn, bon, bản)	Xã		
650	Đieu Truyền	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
651	Lưu Việt Hoàng	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
652	Hoàng Thị Khánh Vy	Bản Tráng	Đắk Ngo	20	
653	Thị Cẩm	Bản Diêng Đu	Đắk Ngo	17	
654	Sùng Thị Vân	Bản Đình Hòa	Đắk Ngo	11	
655	Hạng A Thảng	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
656	Vàng Văn Cư	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
657	Hoàng Văn Tiến	Bản Phi lơ te	Đắk Ngo	13	
658	Vì Tiên Tài	Bản Phi lơ te 1	Đắk Ngo	12	
659	Sùng Seo Phành	Bản Tân Lập	Đắk Ngo	11	
660	Thào A Vũ	Ninh Hòa	Đắk Ngo	11	
661	Hỷ Minh Phú	Thôn Tân Bình	Đắk Ngo	12	

Ấn định danh sách có 661 học sinh./.